

Không có ngoi lều, các quóc gia Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, tởc đĩi cho đĩn ngày nay đĩu là nhĩng quóc gia đa dân tĩc, đĩng thĩi mĩt dân tĩc có thĩ sĩng trĩn nhiũu quóc gia.

Đĩu này đĩn tĩi hai mĩi quan hĩ: Mĩt là, trong quá trĩnh tĩc hĩp văn hĩa tĩc ngĩĩi thĩn mĩt cĩu trũc dân tĩc trong mĩi quan hĩ biĩn chĩng giĩa dân tĩc chĩ thĩ và dân tĩc ít ngĩĩi, giĩa các dân tĩc vĩi nhau là mĩt quóc sách vĩ cĩng quan trĩng có thĩ nĩi là hàng đĩu cĩa Việt Nam. Hai là, dù có phĩn chia thĩn biĩn giĩi quóc gia, trong khi phĩi đĩm bĩi o chĩ quyĩn nhĩng vĩn không thĩ ngĩn cĩn mĩi quan hĩ đĩng tĩc cĩa hĩ bĩn nĩĩc bĩn. Xĩy đĩng tĩnh đĩn kĩt dân tĩc trong mĩt quóc gia đĩng thĩi cĩn quan tĩm đĩn xu thĩ hoà hĩp hĩi nhĩp dân tĩc trong khu vĩc và quóc tĩ. Đĩu đĩ có nguyên nhĩn sĩu xa trong lĩch sĩ khu vĩc Đông Nam Á. Tĩi đĩy đĩ đĩn ra nhĩng quá trĩnh hĩi tĩ - phĩt tĩn đĩn đĩn nhĩng phĩc thĩ văn hĩa mĩi chung cho toĩn vĩng. Bĩĩc hĩi tĩ sau cao hĩn bĩĩc hĩi tĩ trĩĩc đĩng thĩi cĩng đĩ lĩi nhiũu sĩc tĩc, nhiũu đĩu ĩn đĩa phĩĩng khĩc nhau. Do đĩ, đĩc trĩng cĩa văn hĩa Đông Nam Á là “thĩng nhĩt trong đa đĩng”⁽¹⁾ và quá trĩnh hĩi tĩ bĩt nguĩn tĩ nhĩng trũng tĩm khĩc nhau nĩn nó không mang tĩnh đĩn tuyĩn trong sĩ biĩt lĩp, mà là đa tuyĩn trong sĩ tiĩp xĩc đĩn xen nhiũu chĩu, tĩi o nĩn nhĩng đĩĩng đĩng quy, nhĩng cĩ chĩ văn hĩa tĩc ngĩĩi đa thĩn phĩn.



Việt Nam có thĩ nĩi là mĩt Đông Nam Á thu nhĩ. Nĩi mĩt cách khĩi quát văn hĩa Việt Nam là mĩt phĩc thĩ gĩm 3 yĩu tĩ: văn hĩa núi, văn hĩa đĩng bĩng và văn hĩa miĩn biĩn, trong đĩ yĩu tĩ đĩng bĩng tuy có sau nhĩng đĩng vai trò chĩ đĩi. Việt NamNam Đĩi, Tĩi Thái, Tĩng Miĩn. Đĩu khĩc biĩt cho phĩp chũng ta nhĩn đĩn văn hĩa Việt Nam chĩ yĩu là do bĩc tranh cĩu tĩi o tĩc ngĩĩi vĩi nĩn văn hĩa cĩa hĩ và quá trĩnh tĩc hĩp văn hĩa đĩ hĩn thĩn nĩn văn hĩa quóc gia dân tĩc mang tĩn là Việt Nam. Quĩ thĩt, chĩ có ĩ Việt Nam trong khũng cĩn hĩ Đông Nam Á mĩi có mĩt bĩc tranh đa đĩng, đa sĩc, đa hĩĩng, đa vĩ nhĩ vĩy, vĩi nhĩng gam

màu đất màu khác nhau: núi giầu chất núi, núi thềm đất màu chất biến, núi màu màng chất đất màu biến. Nói cách khác, cũng là màu xanh nhưng có xanh núi rừng, xanh màu lúa, xanh màu biến. Hơn thế nữa đây không chỉ có “đá” mà còn có “n” trong ký ức của thời gian. Thời gian đã đi tới nên những bậc màn lịch sử với bao sự biến động thăng trầm cũng là những hồi tưởng các bậc tộc trưởng các dòng ngôn ngữ Đông Nam Á: Nam Á,

Việt Nam, người Tày – Thái là cộng dân rừng núi làm lúa nước và đã trở nên thành công mô hình kinh tế - xã hội lúa nước vùng thung lũng hẹp chân núi, sau này được nhân rộng ra nhiều vùng Đông Nam Á. Trên bản đồ dân tộc học người ta chia thành 2 nhóm Tày – Thái theo đường phân thủy của Sông Hồng: bên hữu ngạn là cộng dân Thái bao gồm các người Lào, Thái Thanh Hoá, Nghệ An, bên tả ngạn là cộng dân Tày – Nùng và các bậc tộc Giáy, Báy, Tu Dí, Thu, Tạng... Có ba dân tộc lớn: Thái (trên 60 vạn) phân bố khắp vùng Tây Bắc, Tày (80 vạn), Nùng (55 vạn) ở vùng Việt Bắc. Cùng với các cộng dân Môn Khmer và Hán Tạng, họ đã tạo nên nên quê hương của một miền núi non hùng vĩ, từ vùng Bắc Bộ lên tới miền Trung và gần cả 3 nước nghe (Lào – Trung Quốc - Việt Nam) với những vựa lúa nổi tiếng: Thanh Uyên, Nghĩa Lộ, Mường Thanh... Họ còn giữ được một kho tàng văn hóa truyền thống, các văn bản bằng các chữ Thái, chữ Nôm, Tày, Nùng và một dòng ngôn ngữ khá riêng biệt. Người Tày – Thái đã có một đóng góp của họ quan trọng vào nền văn hóa Việt Nam. Đó là văn hóa lúa nước. Chính người Việt đã áp dụng mô hình này vào vùng Châu thổ Bắc Bộ và sau này nhân rộng ra cả nước.

Trong khi đó các nhóm Môn Khmer đi di cư cho văn hóa núi, sống rải rác trên vùng cao làm ruộng rừng, ngôn ngữ biến đổi thành tiếng mẹ đẻ. Những đó chính là những cộng dân bản địa các nhóm, còn bản địa của những người từ miền các loài và những người chỉ theo sự của Cao Nguyên. Các học giả Pháp gọi họ là Tiềm Đông Dương (protoindo-chinois). Họ quen thuộc với môi trường rừng núi và cũng sợ cái hoang vu đầy bí ẩn, đầy nguy hiểm đó. Do đó họ thích đi tìm kiếm, tìm kiếm những rừng núi (kiểu của rừng chiêng) theo nhóm 2/4, quen chiếm lĩnh chiểu cao với nghề săn bắn hoành tráng, màu màu nguyên sơ sống trong phạm vi tự nhiên nhưng không hình dáng con người, màu những điệu múa sôi động căng tròn trên tiếng thổi thổi của đàn theo tiếng nhạc giầu âm hưởng như thổi thúc con người.

Trong nhóm Môn Khmer có người Khmer Nam Bộ, là di du của các nhân nền văn hóa Đông Nam Bộ (bản địa của nhà nước Phù Nam, sau văn hóa Sông Hồng với nhà nước Âu Lạc và văn hóa Sa Huỳnh với nhà nước Lâm Ấp, Champa). Sự hiện hữu của người Khmer đã mang đến cho vùng đất mới Nam Bộ một sự thái núi ngay trên đường biên rừng núi, một đất tin phật giáo tiểu thừa Theravada với những nghi thức Balamôn giáo, những chùa chiền, những lễ hội... và gần bó với người đồng tộc của họ ở Vùng quốc Angkor vĩ đại.

Người Chăm hiện nay tập trung ở Thuận Hải và An Giang. Thuận Hải là khu vực cư trú lâu đời

cơ a hơ; đây một bộ phận theo Balamôn giáo (60%), số còn lại theo đạo Bàni (hồi giáo cũ) và một số ít theo đạo Islam (hồi giáo mới) sống bằng nghề nông. Trái lại, người Chăm ở An Giang theo đạo Islam, sống dọc sông Hậu, làm nghề dệt vải, đánh cá, buôn bán nông sản xuôi. Người Chăm cùng với các dân tộc Êđê, Jarai, Raglai, Churu tạo thành nhóm ngôn ngữ Nam đèo trên lục địa. Văn hóa Chăm đậm chất biển. Họ quen với môi trường biển, ưa phóng tầm mắt ra biển cả, ưa màu trắng cát biển và khi chèo thuyền có tục làm tang lễ trên bãi cát, khi cưỡi có tục ăn cá một ngày, thuyền tiên theo dòng biển (Atâu Tathich) bên cạnh dòng núi (Atâu Chok). Họ là dân tộc chủ chốt của Nhà nước Champa - một Nhà nước hùng mạnh ở Đông Nam Á với mô hình gồm 3 thành tố: Thủ đô hành chính (Trà Kiêu), Thánh địa (Mê Sơn) và vùng thềm (chiếm cứ). Chính người Chăm đã có đóng góp to lớn vào phức tạp văn hóa Việt Nam - yếu tố văn hóa biển, làm cho nền văn hóa Việt Nam hội đủ ba yếu tố: núi, đồng bằng và biển.

Với một xã hội, người Chăm đã để lại cho đời nhiều. Người phụ nữ là bà chủ: hội chợ ngày chợ, con theo học mẹ và thu nhập gia đình. Người chợ là họ ngoại, khi chết nhà vợ trả anh ta với tiền của mẹ. Họ thờ “thần mẹ xứ Sơn” Pô In Nagar.

Người Chăm ngoài những di tích văn hóa vật thể nguy nga đổ vào lòng núi đồi Đông Nam Á, họ cũng để lại dấu ấn tinh thần sắc thái địa phương khá rõ nét của người Việt ở phía Nam, từ ngôn ngữ, văn hoá, phong tục tập quán. Cùng với người Khmer, người Hoa, người Chăm đã góp phần làm nên sự đa dạng văn hóa của người Việt ở miền Nam.

Trong bức tranh đa sắc tộc của Việt Nam, phía Bắc có một số bộ tộc nói ngôn ngữ Hán - Tạng, phần lớn là cư dân Tạng Miến và Mèo Dao. Họ là những người chuyên tâm văn hóa từ Bắc xuống Nam, mang lại cho văn hóa Việt Nam một chút hương vị phương Bắc, như Cao nguyên Vân Quý với Châu thổ Sông Hồng và biển Đông. Đó là những dân tộc Lô Lô, Hà Nhì, Sila, Cống, Phù Lá, Xá Phó... Họ sống rải rác trên vùng núi cao.

Nhóm H'mông – Dao là một nhóm hùn hạp mà ngôn ngữ của họ có tiếng Môn Khmer và chủ yếu Tạng Miến. Người Dao vào Việt Nam sớm hơn người H'mông, sống du canh du cư, làm rẫy, nhà đất, nhà đất nhà sàn hay nhà sàn, thuyền vèo, khi chèo thuyền đến cửa sông Chảy, Trung Quốc. Người H'mông từ phương Bắc xuống Sapa rồi vào Lai Châu ở khu vực Đèo Biền Phố, sang Lào và vào Nghệ An. Họ là người đi đầu của ruộng nương lên núi cao, đi đầu của cái cày sọt lên vùng đất đá tại mèo làm nương thâm canh, rồi giồng chăn nuôi, giồng nghề rèn sắt, có nghề trồng thuốc chửa bệnh, biết trồng thuốc phiện - một cây trồng có giá trị kinh tế cao mà ngày nay họ đang phải bỏ đi. Họ sống theo thói quen dòng họ, khát khao có người tù trưởng của mình và một vùng đất quê hương để xây dựng cuộc sống. Người H'mông rất thiện chí, rất dũng cảm những cũng rất mạnh mẽ đối với đời sống...

Rất nhiều dân tộc ít người sống xen kẽ với nhau, thậm chí có những nhóm nhỏ biệt lập, có nguy cơ biến mất tiếng mẹ đẻ, những họ hàng bị bỏ lại những ngôn ngữ và văn hóa rất xa và có giá trị lịch sử. Ví dụ người Laha, Púeó, Cáo lao, Lachí mà Paul Pénédicet đặt tên là nhóm Kadai và dùng làm cơ sở để đặt họ dòng ngôn ngữ Nam – Thái (Austro – Thái) bên cạnh dòng Nam Á (Austroasiatic). Đó là những họ các ngôn ngữ Mày, Rục, Sách, Arem, Mã liêng, Poọng... mà tác giả bài viết này (PDD) dùng làm cơ sở để đặt họ ngôn ngữ Tày n Việt Mường cách ngày nay hơn 3000 năm².

Chỉ với tiếng y thôi chúng ta đã thấy được bức tranh đa sắc tộc của Việt Nam với những nét đặc sắc, phong phú, đa dạng và những mối quan hệ cộng đồng, quan hệ tiếp xúc đan xen chặt chẽ trong di sản lịch sử để có được một cộng đồng các dân tộc Việt Nam gần bó, chung lưng đấu cật xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thống nhất với những truyền thống vẻ vang như ngày nay.

Trên đây, do cách nghiên cứu tách biệt, nên chúng ta đã mô tả văn hóa các dân tộc ít người một cách rời rạc, không có mối liên hệ, nhất là với người Kinh – dân tộc chủ thể đã có vai trò lớn trong lịch sử văn hóa dân tộc, cho nên không phát hiện ra quá trình tích hợp văn hóa Việt Nam. Chúng ta nói người Tày – Thái giỏi lúa nước nhưng không biết họ đóng góp vào văn hóa lúa nước Việt Nam như thế nào; nói người Chăm giỏi biển, nhưng không nói họ đã có đóng góp cách nhìn và ứng xử với biển của người Việt ra sao... Nếu ngày nay chúng ta nói văn hóa Việt Nam là một phức thể gồm có yếu tố núi, đồng bằng và biển, thì đó là nói tới sự đóng góp của các dân tộc mà người Kinh - một cộng đồng bằng biển đã tích hợp được cùng với các dân tộc khác để nên bức tranh đa dạng của văn hóa Việt Nam ngày nay./.

GS.TS Phạm Đức Dĩnh

Chủ tịch hội nghiên cứu Khoa học Đông Nam Á Việt Nam



(Còn tiếp)

Chú thích:

(2) Ngày nay nhiều dân tộc đang có nguy cơ mất tiếng mẹ đẻ. Theo thống kê của các nhà ngôn ngữ, cho đến nay trên thế giới đã có 30.000 NN chết. Theo các tính toán của họ, nếu cứ tiếp tục như thế thì tiếng mẹ đẻ của 100.000 người sẽ biến mất. Nhưng trong 6.000 NN hiện có thì 1/2 chỉ có khoảng 10.000 người sẽ biến mất và 1/4 chỉ có khoảng 1.000 người. Vì vậy, mỗi năm trên thế giới có khoảng 10 NN tiêu vong cùng với nền văn hóa của họ. Tính đa dạng văn hóa đang bị xói mòn nghiêm trọng.